

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 470/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 26-9-2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
giữa chị H với anh L

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Tuấn.
2. Bà Trương Thị Thu Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2019 về việc tranh chấp “Ly hôn, về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 281/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1987; địa chỉ cư trú: Tổ 03, ấp BP2, xã PB, huyện P, tỉnh An Giang (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Võ Văn L, sinh năm 1986, địa chỉ cư trú: Tổ 15, ấp HL, xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01/02/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Thúy H trình bày:

Vợ chồng kết hôn năm 2003, đến năm 2009 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hạnh phúc, nhưng dần về sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, vợ chồng đã ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Nay tình cảm không còn xin được ly hôn với anh L.

2. Về con chung: Có 03 (ba) con chung Võ Chí Kh, sinh năm 2004, Võ Huỳnh Nh, sinh năm 2006 và Võ Phương A, sinh năm 2013. Hiện các cháu đang sống với chị. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng ba con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập anh L để hòa giải, động viên, ghi nhận ý kiến nhưng anh L vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Vụ án đã quá thời hạn chuẩn bị xét xử nhưng Chánh án chưa ban hành quyết định gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử, kiến nghị khắc phục. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không lý do, không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định pháp luật tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị H ly hôn với anh L; giao 03 (ba) cháu Võ Chí Kh, sinh năm 2004, Võ Huỳnh Nh, sinh năm 2006 và Võ Phương Anh, sinh năm 2013 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; anh L không cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu; về tài sản chung và nợ chung không có nên đề nghị không xem xét.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: Bản photo chứng minh nhân dân của chị H; Sổ hộ khẩu; Bản sao giấy khai sinh cháu Kh, Nh, Anh; Giấy chứng nhận kết hôn; Biên bản xác minh tình trạng cư trú của bị đơn và tình trạng hôn nhân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa các đương sự về việc ly hôn, nuôi con chung bị đơn có địa chỉ thường trú tại địa bàn huyện C, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị H và anh L đã tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang, theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 43, ngày 12/03/2009. Do đó, hôn nhân giữa chị H và anh L là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, đời sống chung không hòa hợp nên đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh L vắng mặt, cho thấy anh L không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, chị H và anh L đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị H yêu cầu giải quyết cho ly hôn với anh L là có cơ sở. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh L.

[2.2] Về con chung:

Chị H và anh L có 03 (ba) con chung Võ Chí Kh, sinh năm 2004, Võ Huỳnh Nh, sinh năm 2006 và Võ Phương A, sinh năm 2013, hiện các cháu đang do chị H chăm sóc nuôi dưỡng. Chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các cháu và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Xét, từ khi vợ chồng ly thân đến nay, chị H là người trực tiếp nuôi các cháu, anh L không cùng chị H trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu. Ngày 19 tháng 4 năm 2019 cháu Kh và cháu Nh có nguyện vọng được chung sống với chị H; cháu Anh dưới 07 tuổi hiện do chị H nuôi dưỡng, anh L không phản hồi ý kiến. Để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của các cháu, tạo điều kiện cho các cháu được ổn định về tâm lý, chỗ ở, sinh hoạt, học tập, phát triển toàn diện về mọi mặt nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao các cháu cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không có yêu cầu anh L cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Thúy H ly hôn với anh Võ Văn L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 43, ngày 12 tháng 3 năm 2009 của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao 03 (ba) con chung Võ Chí Kh, sinh năm 2004, Võ Huỳnh Nh, sinh năm 2006 và Võ Phương A, sinh năm 2013 cho chị Nguyễn Thị Thúy H trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Võ Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh L cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thúy H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu số: 0001102 ngày 15 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Tuấn Trương Thị Thu Thủy

Lê Thị Hồng Thi

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Thi

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Bờ Huỳnh Văn Hùng

Lê Thị Hồng Thi

